

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **06** /2019/KDTM-ST

Ngày : 10-10-2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua  
bán hàng hóa”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Thị Mỹ Dung

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Đồi

2. Bà Vũ Thị Lệ Thủy

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Lành – Thư ký tòa án nhân dân quận Sơn Trà TP Đà Nẵng.

***- Đại diện VKS nhân dân quận Sơn Trà tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hương Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2019/TLST-KDTM ngày 14 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXXST-KDTM ngày 11 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2019/QĐST-KDTM ngày 26 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Dịch Vụ A ; Địa chỉ : tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện B, tỉnh Q. Người đại diện theo pháp luật: Ông

Phạm Đình N. Chức vụ: Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: ông Hoàng Đỗ Thanh N. Sinh năm : 1994. Địa chỉ: Số 480 đường Hg, TP H, tỉnh Q, có mặt

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần B. Địa chỉ: số 110 T, phường P, quận S, Tp Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật : Ông Võ Văn T. Chức vụ : Giám đốc, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lâm Thị Kim T. Sinh năm : 1975. Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện B, tỉnh Q, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn- ông Hoàng Đỗ Thanh N trình bày:*

Ngày 12/06/2016, DNTN A (nay là Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Dịch Vụ A- gọi tắt là Công ty A)và Công ty Cổ phần B đã ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa( vật liệu xây dựng ) số 21/2016/HĐKT về việc cung cấp và vận chuyển vật liệu xây dựng công trình Thủy Điện Nam Trà My. Sau thời gian đầu mua bán vật liệu xây dựng, vì lý do dự án Thủy Điện Nam Trà My dừng triển khai nên Công ty Cổ phần B không thể tiếp tục thi công và mua bán với DNTN A nên ngày 31/08/2016, hai bên đã cùng chốt công nợ, theo đó Công ty Cổ phần B còn nợ DNTN A là 203.781.000VND (Hai trăm lẻ ba triệu bảy trăm tám mươi một ngàn đồng) để hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo yêu cầu của Công ty Cổ phần B.

Kể từ thời gian này, chúng tôi liên tục nhiều lần yêu cầu Công ty Cổ phần B thanh quyết toán hợp đồng nhưng Công ty Cổ phần B vẫn chây ỳ trong việc thanh toán. Qua nhiều lần nhắc nhở Công ty Cổ phần B đã thanh toán cho chúng tôi 99.000.000 đồng, trong đó trả tiền mặt 50.000.000đ và chuyển khoản số tiền 49.000.000đ vào tài khoản của bà Lâm Thị Kim T, hiện nay số tiền gốc Công ty Cổ phần B còn phải thanh toán cho chúng tôi là 104.781.000đ. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của mình, Công ty A đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty Cổ phần B thanh toán số tiền gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 15/4/2019 là : 130.492.507 VNĐ (Một trăm ba mươi triệu bốn trăm chín mươi một nghìn năm trăm lẻ bảy

đồng) - trong đó tiền gốc 104.781.000đ và tiền lãi 25.710.507đ. Tại phiên tòa hôm nay chúng tôi thay đổi nội dung khởi kiện, chúng tôi yêu cầu số tiền gốc: 104.781.000đ, nợ tiền lãi tạm tính đến ngày 10/10/2019 là 29.013.258đ- lãi được tính là 6,5%/năm. Tổng cộng là: 133.794.258đ.

Đối với bị đơn Công ty Cổ phần B Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, tổng đạt các văn bản triệu tập Công ty Cổ phần B để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa, tuy nhiên đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần B là ông Võ Văn Tường vẫn vắng mặt không có lý do, không có bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của Công ty Cổ phần B đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị Kim T trình bày: Bà T là kế toán của Doanh nghiệp tư nhân A, là người trực tiếp giao dịch, tiếp nhận đơn đặt hàng, xuất hàng, ghi chép công nợ đối với Công ty Cổ phần B. Sau khi Công ty Avà Công ty Cổ phần B chốt cộng nợ ngày 31/8/2016 và theo đề nghị của Công ty Cổ phần B là không lấy hóa đơn nên việc giao nhận các khoản tiền thanh toán được thực hiện qua tài khoản cá nhân của tôi, Công ty Cổ phần B đã chuyển khoản cho tôi được 49.000.000đ (cụ thể: ngày 10/9/2018 chuyển khoản 20.000.000đ, ngày 18/10/2018 chuyển khoản 10.000.000đ, ngày 19/11/2018 chuyển khoản 14.000.000đ, ngày 01/02/2019 chuyển khoản 5.000.000đ).

Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà phát biểu về sự tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Theo đó, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn không chấp hành triệu tập của Tòa án, không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy

định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa của Công ty A đối với Công ty Cổ phần B về việc thanh toán nợ đối với số tiền 133.794.258đ ( trong đó tiền gốc : 104.781.000 VNĐ, nợ tiền lãi tạm tính đến ngày 10/10/2019 là 29.013.258đ, lãi được tính là 6,5%/năm) là có căn cứ vì giữa DNTN A và Công ty Cổ phần B đã có xác nhận công nợ ngày 31/8/2016, yêu cầu về tính lãi là phù hợp với án lệ số 09/2016 ngày 17/10/2016 của Tòa án nhân dân tối cao về áp dụng mức lãi suất quá hạn trung bình của ít nhất 3 ngân hàng tại địa phương để tính lãi do chậm thanh toán. Do đó, đề nghị HĐXX căn cứ điều 50, điều 306 Luật thương mại năm 2005 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty Cổ phần B phải trả cho Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Dịch Vụ A số tiền: 133.794.258đ ( trong đó tiền gốc : 104.781.000 VNĐ, nợ tiền lãi tạm tính đến ngày 10/10/2019 là 29.013.258đ).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về phần thủ tục:** Đơn khởi kiện của Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Dịch Vụ A yêu cầu Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng giải quyết tranh chấp “Hợp đồng mua bán hàng hóa” với Công ty Cổ phần B là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Công ty Cổ phần B là bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần B vẫn vắng mặt không lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thu có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt Công ty Cổ phần B, bà Lâm Thị Kim T.

[2] Về nội dung vụ án: Vào ngày 12/6/2016, Doanh nghiệp tư nhân A và Công ty Cổ phần B đã ký kết hợp đồng kinh tế số 21/2016/HĐKT để cung cấp và vận chuyển vật liệu, xi măng, gạch, đá, cát các loại đến chân công trình Thủy điện Nam Trà My. Thực hiện theo nội dung hợp đồng đã được hai bên ký kết, từ ngày

12/6/2016 đến ngày 01/9/2016 Doanh nghiệp tư nhân A đã nhiều lần cung cấp và vận chuyển vật liệu cho Công ty Cổ phần B đến tại chân công trình Thủy điện Nam Trà My và thực hiện việc đối chiếu công nợ theo thỏa thuận. Ngày 31/8/2016 hai bên xác nhận công nợ là Công ty Cổ phần B còn nợ Công ty Asố tiền : 203.781.818đ. Sau đó, Công ty Cổ phần B chỉ trả được 99.000.000đ và không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, Công ty A đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty Cổ phần B thanh toán số tiền gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 15/4/2019 là : 130.492.507 VNĐ (Một trăm ba mươi triệu bốn trăm chín mươi một nghìn năm trăm lẻ bảy đồng. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện của nguyên đơn ông N thay đổi số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử là số tiền : 133.794.258đ (trong đó nợ gốc : 104.781.000 VNĐ, nợ tiền lãi tạm tính đến ngày 10/10/2019 là 29.013.258đ.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy : Hợp đồng kinh tế số 21/2016/HĐKT ngày 12/6/2016 được DNTN A và Công ty Cổ phần B thỏa thuận trên cơ sở tự nguyện, hợp đồng được lập thành văn bản theo quy định tại Điều 24 Luật thương mại với nội dung DNTN A có trách nhiệm cung cấp và vận chuyển vật liệu, xi măng, gạch, đá, cát các loại đến chân công trình: Thủy điện Nam Trà My. Quá trình thực hiện hợp đồng, DNTN A đã cung cấp và vận chuyển nhiều lần hàng cho Công ty Cổ phần B. Giữa hai bên đã nhiều lần thực hiện việc đối chiếu công nợ vào các ngày 01/7/2016, 01/8/2016, 31/8/2016 qua đó xác định được đến ngày 01/9/2016 Công ty Cổ phần B còn nợ DNTN A nay là Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Dịch Vụ A số tiền gốc 203.781.818đ. Trong các năm 2017 và 2018 Công ty Cổ phần B tiếp tục trả cho Công ty Asố tiền 99.000.000đ, số tiền đã thanh toán này của Công ty Cổ phần B được Công ty Athừa nhận nên Công ty Cổ phần B không cần phải chứng minh về khoản thanh toán này, hiện nay còn nợ gốc là : 104.781.000đ và Công ty A đã nhiều lần liên hệ yêu cầu Công ty Cổ phần B trả nợ nhưng Công ty Cổ phần B không thực hiện thể hiện sự chây ỳ, thiếu trách nhiệm, do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 50 Luật Thương mại.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông N thay đổi số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử là 133.794.258đ (trong đó nợ gốc : 104.781.000 VNĐ, nợ tiền lãi tạm tính đến ngày 10/10/2019 là 29.013.258đ. Hội đồng xét xử căn cứ nội dung án lệ số 09/2016 ngày 17/10/2016 của Tòa án nhân dân tối cao về áp dụng mức lãi suất quá hạn trung bình của ít nhất 3 ngân hàng tại địa phương để tính lãi do chậm thanh toán, căn cứ điều 306 Luật thương mại quy định về quyền yêu cầu tính lãi khi chậm thực hiện việc thanh toán, căn cứ các công văn số 789/CV-ĐAN.KT ngày 29/8/2019 của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Đà Nẵng; công văn số 185/CV- CNĐN-TH ngày 03/9/2019 của ngân hàng Công thương Việt Nam, chi nhánh Đà Nẵng; công văn số 867/NHNoDDN-PC ngày 30/8/2019 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Đà Nẵng xác định lãi suất quá hạn trung bình đối với khoản vay ngắn hạn của 03 ngân hàng tại thời điểm xét xử là 14%/năm nên việc Công ty A yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 6,5%/năm là thấp hơn mức lãi suất quy định để tính lãi nên cần chấp nhận yêu cầu về tính lãi của Công ty A.

[4] Đối với bị đơn đã được Tòa tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có tự khai trong hồ sơ vụ án để thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc không tuân thủ các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo mức án phí có giá ngạch của số tiền 133.794.258đồng tương đương mức án phí là: 6.689.712 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ điều 227,228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ Điều 50, điều 306 Luật thương mại 2005;
- Căn cứ án lệ số 09/2016/AL ngày 17/10/2016 của Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Dịch Vụ A đối với Công ty Cổ phần B về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

**Xử:** Buộc Công ty Cổ phần B phải có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Dịch Vụ A số tiền là 133.794.258 đồng (trong đó nợ gốc : 104.781.000đ, nợ tiền lãi tạm tính đến ngày 10/10/2019 là 29.013.258đ)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Án phí KDTM: 6.689.712 đồng Công ty Cổ phần B phải chịu.

Hoàn trả lại cho Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Dịch Vụ A số tiền tạm ứng án phí là 3.262.288 đồng theo biên lai thu số 0007905 ngày 14/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết trích sao bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**  
- VKSND quận Sơn Trà;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THA dân sự quận Sơn Trà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Hồ Thị Mỹ Dung**

